



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

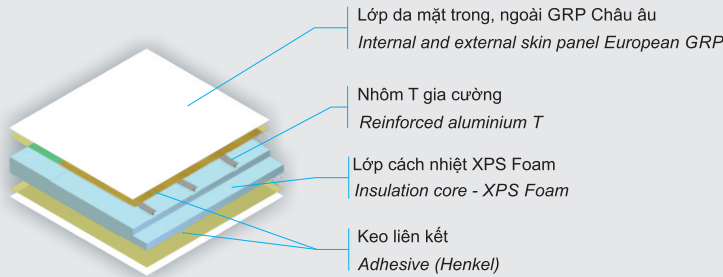
HYUNDAI MIGHTY W750 E5
MIGHTY W750L E5

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		DVT / UNIT		W750		W750L	
Loại xe / Vehicle type				Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck		Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	
Nhãn hiệu / Mark, model code				HYUNDAI MIGHTY W750 -QA.DLF2S (F1S)		HYUNDAI MIGHTY W750L -QA.DL	
Công thức bánh xe / Wheel formular				4 x 2		4 x 2	
Thông số về kích thước / Dimensions							
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm			6390 x 2170 x 3070		6850 x 2170 x 3070	
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm			4450 x 2150 x 2150		4950 x 2150 x 2150	
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm			4270 x 2010 x 1965		4770 x 2010 x 1965	
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm			3415		3775	
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm			1680 / 1495		1680 / 1495	
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm			1120 / 1855		1120 / 1955	
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm			2080		2080	
Thông số về khối lượng / Weight							
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg			3505		3705	
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg			3300		3300	
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg			7000		7200	
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver				3		3	
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres							
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)				7.00-16		7.00-16	
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)				7.00-16		7.00-16	
Thiết bị điện / Electric equipment							
Áp định mức: 24V Out put: 24V				Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình		Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình	
Máy phát Alternator				24V - 70A		24V - 70A	
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment							
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit				THERMAL-2800 (ATP) (-18oC, 2515W)		THERMAL-3000 (-18oC, 2515W)	
Trang bị khác Other equipment				-		-	

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 2.5T ~ 6.0T	Sàn sóng / corrugated 2.5T ~ 6.0T
Panel sàn Floor panel	95	105
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 021
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

